



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH
HÀ NỘI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải hành khách phía Bắc theo Quyết định số 2582/QĐ – UB ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 056699 ngày 05 tháng 10 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật và ngành nghề kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 10 ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3827 1923
- Fax : (024) 3873 3011

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Vận tải hành khách công cộng và đại lý vận chuyển hàng hóa; Vận tải hành khách liên tỉnh và du lịch, taxi tải và taxi chở khách.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Huy	Chủ tịch	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hậu	Ủy viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Bà Phạm Thị Anh Thơ	Ủy viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Công Lương	Trưởng ban	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Bá Sơn	Thành viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Huy	Giám đốc	Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Ngọc Thiện	Phó Giám đốc	Ngày 28 tháng 12 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Huy – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016).

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0096/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2020

002-
NH
FY
HỮU H
TƯ V
C
NỘI
TP. P

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.315.955.850	13.779.420.745
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.751.820.072	7.993.941.175
1. Tiền	111		2.716.728.952	4.866.262.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.035.091.120	3.127.679.112
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.665.877.854	4.852.523.382
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.506.519.000	4.189.994.696
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	27.960.000	60.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	131.398.854	602.528.686
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		635.823.321	724.804.460
1. Hàng tồn kho	141	V.5	635.823.321	724.804.460
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		262.434.603	208.151.728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	262.434.603	208.151.728
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.589.933.191	39.188.650.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.479.578.485	31.627.457.589
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	48.479.578.485	31.627.457.589
<i>Nguyên giá</i>	222		93.709.302.402	68.923.723.306
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.229.723.917)	(37.296.265.717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	700.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	700.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.110.354.706	6.861.192.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.110.354.706	6.861.192.477
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.905.889.041	52.968.070.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.686.791.235	33.382.471.845
I. Nợ ngắn hạn	310		18.776.358.271	22.593.237.795
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	4.884.653.606	8.602.130.598
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	361.834.659	343.998.561
4. Phải trả người lao động	314		4.765.374.245	3.393.482.944
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	1.084.191.226	1.604.698.338
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	179.090.908	110.649.327
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.553.648.426	3.210.371.726
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	5.832.272.804	5.226.960.004
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	115.292.397	100.946.297
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.910.432.964	10.789.234.050
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	8.460.841.775	6.359.734.057
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	16.449.591.189	4.429.499.993
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.219.097.806	19.585.598.966
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	21.219.097.806	19.585.598.966
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.853.060.000	16.394.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.853.060.000	16.394.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.645.897	678.645.897
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.687.391.909	2.512.353.069
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.546.969	2.512.353.069
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.675.844.940	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.905.889.041	52.968.070.811

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lại Tuyết Kim

Phạm Thị Anh Thơ

Đỗ Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	97.462.417.811	88.560.507.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	115.800.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		97.462.417.811	88.444.707.914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	91.787.662.477	83.008.132.164
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.674.755.334	5.436.575.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	160.373.720	131.318.260
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.034.052.680	1.117.906.005
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.034.052.680	1.117.906.005
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.045.361.490	4.009.550.806
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		755.714.884	440.437.199
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.370.691.238	639.571.627
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.240.509	5.751.326
13. Lợi nhuận khác	40		1.361.450.729	633.820.301
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.117.165.613	1.074.257.500
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	430.433.123	227.335.500
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.686.732.490</u>	<u>846.922.000</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>844</u>	<u>427</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>844</u>	<u>427</u>

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lại Tuyết Kim

Phạm Thị Anh Thơ

Đỗ Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.117.165.613	1.074.257.500
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10.279.876.947	9.928.030.169
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.7	(1.355.452.147)	(353.084.787)
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	1.034.052.680	1.117.906.005
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.075.643.093	11.767.108.887
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	186.645.528	(1.347.829.670)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	88.981.139	232.288.480
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.129.132.595)	1.211.392.380
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	696.554.896	1.509.342.143
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.309.437.964)	(2.329.647.921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.10	(413.335.500)	(83.006.450)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.15	(28.000.000)	(55.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.167.918.597	10.904.047.849
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(26.462.242.500)	(10.074.070.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.426.798.804	484.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.035.443.696)	(9.589.524.546)

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	17.552.864.000	5.350.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(4.927.460.004)	(6.002.740.003)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>12.625.403.996</i>	<i>(652.740.003)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.242.121.103)	661.783.300
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.993.941.175	7.332.157.875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.751.820.072	7.993.941.175

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Giám đốc



Đỗ Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Vận tải hành khách công cộng và đại lý vận chuyển hàng hóa; Vận tải hành khách liên tỉnh và du lịch, taxi tải và taxi chở khách.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 298 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 282 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và phí sử dụng đường bộ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (09 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Phí sử dụng đường bộ

Phí sử dụng đường bộ là khoản phí Công ty phải nộp cho các phương tiện giao thông của Công ty, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian hiệu lực của phí sử dụng đường bộ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.529.168.153	946.166.914
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.187.560.799	3.920.095.149
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	2.035.091.120	3.127.679.112
Cộng	<u>4.751.820.072</u>	<u>7.993.941.175</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	4.506.519.000	4.189.994.696
Trung tâm Quản lý và Điều hành Giao thông Đô thị	3.434.632.000	3.371.764.696
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh	896.823.000	556.000.000
Các khách hàng khác	175.064.000	262.230.000
Cộng	<u>4.506.519.000</u>	<u>4.189.994.696</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	27.960.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm Quản trị Doanh nghiệp	-	60.000.000
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	27.960.000	-
Cộng	<u>27.960.000</u>	<u>60.000.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	131.398.854	-	602.528.686	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	31.148.600	-
Tạm ứng	105.100.000	-	553.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.298.854	-	18.380.086	-
Cộng	<u>131.398.854</u>	<u>-</u>	<u>602.528.686</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	627.969.249		713.470.388	
Công cụ, dụng cụ	7.854.072		11.334.072	
Cộng	635.823.321		724.804.460	

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí đường bộ	60.330.891	66.346.636
Chi phí lắp đặt GPS	72.016.000	24.365.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	130.087.712	117.440.092
Cộng	262.434.603	208.151.728

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	5.786.538.706	6.702.775.426
Chi phí sửa chữa	214.944.000	133.629.051
Phí sử dụng đường bộ	-	24.788.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	108.872.000	-
Cộng	6.110.354.706	6.861.192.477

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.440.439.841	31.000.000	63.399.902.565	52.380.900	68.923.723.306
Đầu tư mua sắm tài sản cố định			27.162.242.500		27.162.242.500
Thanh lý, nhượng bán			(2.376.663.404)		(2.376.663.404)
Số cuối năm	5.440.439.841	31.000.000	88.185.481.661	52.380.900	93.709.302.402
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.904.248.913	31.000.000	18.814.318.933	52.380.900	20.801.948.746
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.368.981.704	31.000.000	33.843.903.113	52.380.900	37.296.265.717
Khấu hao trong năm	235.746.252		10.044.130.695		10.279.876.947
Thanh lý, nhượng bán			(2.346.418.747)		(2.346.418.747)
Số cuối năm	3.604.727.956	31.000.000	41.541.615.061	52.380.900	45.229.723.917
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.071.458.137	-	29.555.999.452	-	31.627.457.589
Số cuối năm	1.835.711.885	-	46.643.866.600	-	48.479.578.485
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 32.781.056.791 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư Phát triển Campuchia, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hội sở chính.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	700.000.000	26.462.242.500	(27.162.242.500)	
Cộng	700.000.000	26.462.242.500	(27.162.242.500)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.564.879.649	7.459.672.240
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (trước là Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội)	3.564.879.649	7.459.672.240
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.319.773.957	1.142.458.358
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	18.900.000	140.059.154
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Việt Hàn	-	18.518.500
Các nhà cung cấp khác	1.300.873.957	983.880.704
Cộng	4.884.653.606	8.602.130.598

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	92.336.455	1.224.997.273	(1.228.404.677)	88.929.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp	227.335.500	430.433.123	(413.335.500)	244.433.123
Thuế thu nhập cá nhân	16.563.191	42.413.492	(38.273.492)	20.703.191
Tiền thuê đất	7.763.415	1.902.798.264	(1.902.792.385)	7.769.294
Các loại thuế khác		4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	343.998.561	3.604.642.152	(3.586.806.054)	361.834.659

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xe buýt	Không chịu thuế
- Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.117.165.613	1.074.257.500
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	35.000.000	62.420.000
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Thù lao, thưởng thành viên HĐQT không tham gia điều hành	35.000.000	62.000.000
Chi phí không hợp lệ	-	420.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	2.152.165.613	1.136.677.500
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	430.433.123	227.335.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.084.191.226	1.604.698.338
Chi phí lãi vay phải trả	21.475.832	1.296.861.116
Trích trước chi phí sầm lộp ắc quy	564.866.986	151.972.222
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	292.706.408	-
Chi phí phải trả khác	205.142.000	155.865.000
Cộng	<u>1.084.191.226</u>	<u>1.604.698.338</u>

12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê biển quảng cáo.

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.553.648.426	3.210.371.726
Kinh phí công đoàn	111.552.453	113.607.363
Phải trả về góp vốn đầu tư xe (*)	29.207.082	1.525.185.146
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	963.477.155	963.477.155
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.098.166	31.098.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	418.313.570	577.003.896
Cộng	<u>1.553.648.426</u>	<u>3.210.371.726</u>

(*) Công ty ký hợp đồng với một số cán bộ công nhân viên trong công ty về việc góp vốn hợp tác kinh doanh: Công ty và nhân viên cùng góp vốn để mua xe bus và giao cho nhân viên đó khai thác. Nhân viên sẽ được phân chia lợi nhuận theo hiệu quả của xe. Số tiền góp vốn ban đầu sẽ được trả lại cho nhân viên tương ứng với thời gian khấu hao của xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.460.841.775	6.359.734.057
Tiền đặt cọc của lái xe	2.635.915.546	2.061.301.000
Tiền ứng trước liên quan đến hợp tác thành lập công ty (**)	4.298.433.057	4.298.433.057
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.526.493.172	-
Cộng	8.460.841.775	6.359.734.057

(**) Là khoản tiền hỗ trợ thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí triển khai dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15A/CPXK-TAXICP-HANOITAXI ngày 05 tháng 3 năm 2011.

14. Vay ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)</i>		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ	1.915.300.000	3.809.200.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	-	347.760.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính	1.070.000.004	1.070.000.004
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Campuchia	2.846.972.800	-
Cộng	5.832.272.804	5.226.960.004

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	5.226.960.004
Kết chuyển từ vay dài hạn	4.979.772.804
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.374.460.004)
Số cuối năm	5.832.272.804

14b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ ⁽ⁱ⁾	2.654.200.000	952.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.407.499.989	3.477.499.993
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ⁽ⁱⁱ⁾	11.387.891.200	-
Cộng	16.449.591.189	4.429.499.993

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ để thanh toán tiền mua 18 xe bus với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Campuchia Chi nhánh Hà Nội để mua 12 xe bus Samco City với lãi suất thả nổi, lãi suất năm đầu tiên là 7,5%/năm. Sau thời hạn ưu đãi, áp dụng theo lãi suất thả nổi với biên độ 2,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Số tiền vay được trả hàng quý. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 05 xe ô tô nhãn hiệu Samco 42 chỗ.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng nợ
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.832.272.804	16.449.591.189		22.281.863.993
Cộng	5.832.272.804	16.449.591.189	-	22.281.863.993
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.226.960.004	4.429.499.993		9.656.459.997
Cộng	5.226.960.004	4.429.499.993	-	9.656.459.997

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.429.499.993	5.108.960.000
Số tiền vay phát sinh	17.552.864.000	5.350.000.000
Số tiền vay đã trả	(553.000.000)	(802.500.003)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(4.979.772.804)	(5.226.960.004)
Số cuối năm	16.449.591.189	4.429.499.993

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	100.946.297	64.125.256
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	42.346.100	92.421.041
Chi quỹ	(28.000.000)	(55.600.000)
Số cuối năm	115.292.397	100.946.297

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	16.394.600.000	678.645.897	1.757.852.110	18.831.098.007
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	846.922.000	846.922.000
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	(92.421.041)	(92.421.041)
Số cuối năm trước	16.394.600.000	678.645.897	2.512.353.069	19.585.598.966
Số dư đầu năm nay	16.394.600.000	678.645.897	2.512.353.069	19.585.598.966
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.686.732.490	1.686.732.490
Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn	2.458.460.000	-	(2.458.460.000)	-
Phân chia giá trị xe góp vốn thanh lý cho lái xe	-	-	(10.887.550)	(10.887.550)
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	(42.346.100)	(42.346.100)
Số cuối năm nay	18.853.060.000	678.645.897	1.687.391.909	21.219.097.806

16b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.885.306	1.639.460
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.885.306	1.639.460
- Cổ phiếu phổ thông	1.885.306	1.639.460
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.885.306	1.639.460
- Cổ phiếu phổ thông	1.885.306	1.639.460
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 16/NQ- HĐQT-CPXK ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

• Trích lập quỹ khen thưởng	:	42.346.100
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu (mức chi trả cổ tức: 15%)	:	2.458.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh dịch vụ vận tải liên tỉnh	12.383.160.034	19.020.361.539
Doanh thu Bus	79.250.618.877	65.639.986.867
Doanh thu kinh doanh dịch vụ điếm đỗ	5.828.638.900	3.900.159.508
Cộng	<u>97.462.417.811</u>	<u>88.560.507.914</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh dịch vụ vận tải liên tỉnh	11.448.971.100	17.265.612.243
Giá vốn Bus	76.422.310.051	62.527.974.063
Giá vốn kinh doanh dịch vụ điếm đỗ	3.916.381.326	3.214.545.858
Cộng	<u>91.787.662.477</u>	<u>83.008.132.164</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	155.256.876	125.046.627
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.116.844	6.271.633
Cộng	<u>160.373.720</u>	<u>131.318.260</u>

5. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.148.964.479	2.068.797.060
Chi phí đồ dùng văn phòng	395.901.250	241.602.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.581.831	193.084.428
Thuế, phí và lệ phí	64.789.296	64.783.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.574.174	263.919.127
Chi phí bằng tiền khác	1.148.550.460	1.177.364.087
Cộng	<u>4.045.361.490</u>	<u>4.009.550.806</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.355.452.147	353.084.787
- Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1.426.798.804	484.545.454
- Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	(71.346.657)	(131.460.667)
Thanh lý vật tư phụ tùng	15.239.091	10.434.545
Thu nhập khác	-	276.052.295
Cộng	1.370.691.238	639.571.627

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	149.600	-
Chi phí khác	9.090.909	5.751.326
Cộng	9.240.509	5.751.326

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.675.844.940	846.922.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(83.792.247)	(42.346.100)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	1.592.052.693	804.575.900
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.885.306	1.885.306
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	844	427

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.639.460	1.639.460
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	245.846	245.846
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.885.306	1.885.306

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và việc chia cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn. Việc này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 517 VND xuống còn 427 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.740.774.112	31.599.292.377
Chi phí nhân công	27.589.850.116	26.407.768.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.279.876.947	9.928.030.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.259.848.051	12.252.739.470
Chi phí khác	8.962.674.742	6.835.139.557
Cộng	<u>95.833.023.967</u>	<u>87.022.969.752</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp	626.586.600	724.901.800
Cộng	<u>626.586.600</u>	<u>724.901.800</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (trước là Công ty Cổ phần Cổ đông lớn Xăng dầu Chất đốt Hà Nội)	
Công ty Cổ phần Parus	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	Cổ đông lớn

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (trước là Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội)</i>		
Mua nhiên liệu	15.550.990.710	22.273.048.720

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lại Tuyết Kim

Phạm Thị Anh Thơ

Đỗ Văn Huy

